

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1) Ông Nguyễn Văn Nông;
- 2) Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 958/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1979; nơi ĐKKHKT: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B; Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Gi, sinh năm 1976; nơi ĐKKHKT: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày:

Chị G và anh Gi tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Th theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/12 ngày 15/6/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2014 vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống. Đến năm 2017 vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Chị G nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Gi.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 31/3/1997 và Bùi Thị Thùy M, sinh ngày 08/10/2010. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi con Bùi Thị Thùy M, không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 31/3/1997 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết.

Chị G có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng anh Gi được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị G khởi kiện anh Gi yêu cầu được ly hôn, anh Gi hiện đang trú tại phường T, thành phố D, tỉnh B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Giáp được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị G có đơn xin xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị G và anh Gi theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị G và anh Gi tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Th theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/12 ngày 15/6/2011, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình tố tụng chị G xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2017 vợ

chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Gi được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị G.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị G anh Gi kéo dài từ năm 2014 và năm 2017 cả hai sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, hôn nhân giữa chị G và anh Gi đã trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh Gi.

Về con chung: Vợ chồng chị G và anh Gi có 02 con chung là Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 31/3/1997 và Bùi Thị Thùy M, sinh ngày 08/10/2010. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi con Bùi Thị Thùy M, không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 31/3/1997 đã thành niên, chị Gấm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, anh Gi đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham dự phiên tòa. Như vậy, anh Gi đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình. Bản thân chị G làm nghề may có thu nhập ổn định, mặt khác cháu M là con gái nên việc giao cháu cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị G đối với bị đơn anh Bùi Văn Gi về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị G được ly hôn với anh Bùi Văn Gi.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Thùy M, sinh ngày 08/10/2010 cho chị Gấm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 31/3/1997 đã thành niên, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn, chị G và anh Gi có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0048900 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- **UBND xã V, huyện K, tỉnh Th;**
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thị Anh Thư
(đã ký)**